

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2021/DS-PT
Ngày: 18-10-2021
V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Những

Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hồng Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2021/TLPT-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 178/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Nhà trọ C, hẻm X, đường C, Phường A, thành phố T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng P.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Đại diện hợp pháp theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, Giám đốc.

- Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/12/2019 và những lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tường V trình bày:

Do có nhu cầu xây nhà và qua bạn bè giới thiệu nên ngày 18/4/2019 bà có gặp ông Nguyễn Văn Q – giám đốc Công ty TNHH MTV xây dựng P để trao đổi bàn bạc về việc ký hợp đồng thi công nhà tại số C, đường T, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An với kết cấu 01 trệt 01 lầu và ông Q đưa cho bà bảng dự toán với giá là 491.245.000đồng. Cùng ngày ông Q có cho người đến tháo dỡ nhà cũ của bà để đo đạc, hút hầm cầu, đào hố ga.

Ngày 26/4/2019 bà và ông Nguyễn Văn Q – đại diện của Công ty TNHH MTV xây dựng P có ký hợp đồng kinh tế. Hợp đồng được ký tại trụ sở ngân hàng E, tại thành phố T, tuy nhiên hợp đồng ghi là ngày 23/4/2019. Theo nội dung hợp đồng thì Công ty TNHH MTV xây dựng P có nghĩa vụ thi công nhà cho bà với kết cấu 01 trệt 02 lầu với giá là 736.364.000đồng, theo hợp đồng thì bà phải thanh toán tiền cho công ty TNHH MTV xây dựng P 04 lần như sau:

- Lần 1: Bên A và bên B ký hợp đồng. Bên A sẽ tạm ứng số tiền 200.000.000đồng để bên B khởi công tập kết vật tư xây dựng đầy đủ các loại sắt thép xây dựng một lần cho đúng thời điểm.

- Lần 2: Khi bên B làm móng và đổ bê tông sàn lầu 01 thì sẽ tạm ứng 250.000.000đồng.

- Lần 3: Khi bên B đổ bê tông sàn lầu 02 và lợp nóc mái nhà sẽ tạm ứng 250.000.000đồng.

- Lần 4: Khi bên B làm xây tô hoàn thành nhà ở ứng là 36.346.000đồng.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì ngày 26/4/2019 bà đã giao tạm ứng cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 200.000.000đồng.

Ngày 06/5/2019 bà có ý kiến là do con bà bị bệnh thần kinh nên không thể ở nhà 02 lầu được nên bà yêu cầu công ty P xây nhà với kết cấu 01 trệt 01 lầu.

Ngày 03/6/2019 ông Q có đưa cho bà một hợp đồng khác có nội dung như hợp đồng ngày 23/4/2019 nhưng kết cấu nhà xây dựng là 01 trệt 01 lầu với giá là 677.765.000đồng. Tuy nhiên, do thấy đơn giá và vật liệu của Công ty TNHH MTV xây dựng P cao hơn so với thị trường và cao hơn so với bảng dự toán ban đầu (Bảng dự toán 491.245.000đồng) nên bà không đồng ý.

Mặt khác, trong quá trình thi công, Công ty TNHH MTV xây dựng P đã cho người đào hố ga và hồ chứa nước gần nhau, như vậy là không hợp lý nên bà đã yêu cầu công ty TNHH MTV xây dựng P ngừng thi công. Ngày 14/6/2019 bà thông báo cho Công ty TNHH MTV xây dựng P chấm dứt việc thi công theo hợp đồng.

Hiện trạng căn nhà thì Công ty P có đào hố ga và có sử dụng một số vật liệu để xây hồ nước, bà đồng ý khấu trừ cho Công ty P các chi phí này là khoảng 30.000.000đồng.

Trong quá trình thi công nhà, ông Q nói là sẽ làm bản vẽ và xin giấy phép xây dựng cho bà nên bà có đưa ông Q số tiền 5.500.000đồng nhưng ông Q không lập bản vẽ và cũng không xin giấy phép xây dựng cho bà như đã hứa. Đối với yêu cầu này bà xin rút lại không yêu cầu Công ty P trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu công ty TNHH MTV xây dựng P trả cho bà số tiền đã tạm ứng còn thừa là 170.000.000đồng.

Bị đơn Công ty TNHH MTV xây dựng P, đại diện là ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông là giám đốc và là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV xây dựng P.

Ngày 23/4/2019 giữa Công ty TNHH MTV xây dựng P và bà Nguyễn Thị Tường V có ký hợp đồng kinh tế, hợp đồng được ký kết tại trụ sở ngân hàng E, thành phố T, tỉnh Long An.

Theo hợp đồng ngày 23/4/2019, Công ty TNHH MTV xây dựng P nhận thi công nhà cho bà V tại số C, đường T, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An với kết cấu 01 trệt 02 lầu, giá trị hợp đồng là 736.364.000đồng. Tuy nhiên bà V yêu cầu lát đá hoa cương cầu thang và làm tay vịn cầu thang bằng gỗ nên giá trị hợp đồng tăng lên là 775.056.000đồng.

Hai bên thống nhất giao tiền 04 lần như bà V trình bày. Ngày 26/4/2019 bà V đã tạm ứng cho Công ty P số tiền 200.000.000đồng. Sau khi ký hợp đồng, được sự đồng ý của bà V, Công ty P đã đến tháo dỡ nhà cũ của bà V, mua vật liệu xây dựng tập kết tại kho gần nhà bà V để tiến hành xây dựng.

Công ty TNHH MTV xây dựng P đã thực hiện được các hạng mục công trình như sau: Đào móng nhà, xây tường móng, làm đáy móng, đào hố ga và cắt sắt làm đà, cột. Tuy nhiên, khi thi công thì do bà V chưa có bản vẽ và giấy phép xây dựng nên Công ty P phải thi công cầm chừng chờ giấy phép xây dựng.

Sau đó bà V có ý kiến là muốn xây dựng nhà với kết cấu 01 trệt 01 lầu và yêu cầu Công ty P lập bảng dự toán. Ngày 03/6/2019 Công ty P lập hợp đồng kinh tế kèm theo bảng dự toán xây dựng nhà 01 trệt 01 lầu với giá là 677.765.000đồng, tuy nhiên bà V không đồng ý.

Trong quá trình thi công bà V luôn gây khó khăn cho Công ty nhằm mục đích hủy hợp đồng. Ngày 14/6/2019, bà V thông báo với Công ty P là chấm dứt hợp đồng, không đồng ý cho Công ty P tiếp tục thi công nhà nữa.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà V yêu cầu Công ty P phải trả số tiền tạm ứng là 170.000.000đồng, ông không đồng ý.

Ông yêu cầu bà V khấu trừ chi phí xây dựng, vật tư là 123.033.000đồng; thuế giá trị gia tăng là 12.303.300đồng; phạt 8% giá trị hợp đồng 62.004.480đồng; chi phí thi công theo kết quả kiểm định của trung tâm kiểm định là 22.660.000đồng. Tổng cộng là 220.000.780đồng. Tuy nhiên ông đồng ý

khấu trừ cho bà V số tiền bán phế liệu là 9.933.200đồng. Như vậy sau khi khấu trừ số tiền ông đã nhận tạm ứng thì bà V còn phải trả cho ông số tiền 10.067.780đồng.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tổ chức hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T đã căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 85, 86, 113, 138, 139, 141, 143, 146 Luật Xây dựng; Điều 418, 422, 428 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tường V. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng P phải trả cho bà Nguyễn Thị Tường V số tiền tạm ứng thi công còn thừa là 170.000.000đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng P. Buộc bà Nguyễn Thị Tường V phải trả cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng P chi phí lưu kho là 8.600.000đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng P về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Tường V trả số tiền 211.400.780đồng.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tường V về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng P trả số tiền 5.500.000đồng.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí giám định:

- Bà Nguyễn Thị Tường V phải chịu 6.268.500đồng, bà V đã nộp xong.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng P phải chịu 6.268.500đồng. Do số tiền này bà Nguyễn Thị Tường V đã nộp tạm ứng nên buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng P phải trả cho bà Nguyễn Thị Tường V số tiền 6.268.500đồng.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng P phải chịu 19.070.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.500.000đồng theo biên lai thu số 0004715 ngày 21/8/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Long An. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng P phải tiếp tục nộp số tiền 13.570.000đồng.

- Bà Nguyễn Thị Tường V phải chịu 430.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.387.500đồng theo biên lai số 0004181 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Long An. Hoàn trả bà V 3.957.500đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28 tháng 4 năm 2021 bị đơn Công ty TNHH MTV xây dựng P do ông Nguyễn Văn Q đại diện làm đơn kháng cáo không đồng ý trả cho bà Tường V 170.000.000đồng, yêu cầu bà Tường V thanh toán tiếp cho bị đơn 10.067.580đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tường V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý theo quyết định của bản án sơ thẩm, trình bày thêm rằng trong tất cả các chi phí phía Công ty P đưa ra thì có thêm khoản nước uống chưa được xem xét nên bà V đồng ý, các khoản còn lại thì bà Tường V không đồng ý, bà Tường V thừa nhận phía Công ty có sử dụng lán trại tạm để vật tư, nhưng tận dụng công trình cũ của người khác và chỉ che tạm thêm nên không đồng ý với chi phí xây lán trại để vật tư. Bị đơn Công ty TNHH MTV xây dựng P do ông Nguyễn Văn Q đại diện không rút đơn phản tố và đơn kháng cáo, trình bày cho rằng phía ông Q đã thi công đúng thiết kế, do bà Tường V tự ý chấm dứt hợp đồng phải chịu trách nhiệm bồi thường và phạt vi phạm với 8% giá trị của hợp đồng, tiền vật tư là 135.336.300đồng, tiền giám định là 22.600.000đồng, trừ vào số tiền bà Tường V đã tạm ứng là 200.000.000đồng thì bà V còn phải thanh toán tiếp cho phía Công ty là 10.067.580đồng

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kháng cáo của phía bị đơn trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH MTV xây dựng P do ông Nguyễn Văn Q đại diện thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm thì các đương sự đã thống nhất được các khoản bao gồm tiền giám định, tiền lưu kho, tiền hút hầm cầu, tiền chi phí chở vật liệu, bà V còn đồng ý thêm khoản tiền nước uống cho công nhân là 1.075.000đồng nên đề nghị công nhận. Riêng khoản chi phí xây dựng lán trại thực tế là có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm. Riêng các chi phí vật tư khác thì không thể hiện nên không có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH MTV xây dựng P do ông Nguyễn Văn Q đại diện được làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Các đương sự trình bày thống nhất, giữa bà Nguyễn Thị Tường V và Công ty P ký hợp đồng thi công xây dựng nhà ở gia đình cho bà V tại số C, đường T, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An. Theo hợp đồng ngày 23/4/2019 thì Công ty P xây dựng nhà ở trên thửa đất số 260 có kết cấu 01 tầng trệt 02 tầng lầu với tổng giá trị là 736.346.000đồng, sau đó hai bên thoả thuận thay đổi kết cấu của ngôi nhà thành 01 tầng trệt và 01 tầng lầu nên Công Ty P đã soạn thảo lại hợp đồng vào ngày 3/6/2019, nhưng bà Tường V cho rằng giá trị hợp đồng 677.765.000đồng cao hơn dự toán ban đầu là 491.245.000đồng nên đã không ký tên vào hợp đồng.

[3] Ngay khi giao kết hợp đồng, bà Tường V đã tạm ứng cho Công ty P 200.000.000đồng. Bà Tường V cho rằng phía Công ty P đã tự ý xây dựng bể chứa nước ngầm và hầm tự hoại gần nhau, nên ngày 14/6/2019 bà Tường V đã thông báo chấm dứt hợp đồng với Công ty P đồng thời khởi kiện Công ty P yêu cầu hoàn trả số tiền tạm ứng sau khi trừ các chi phí còn lại là 170.000.000đồng, cùng số tiền 5.500.000đồng mà bà Tường V đã đưa cho ông Q để thiết kế bản vẽ và xin giấy phép, tuy nhiên sau đó bà Tường V đã rút yêu cầu đòi lại số tiền 5.500.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm với nhận định cho rằng bà Tường V có lỗi nhiều hơn dẫn đến chấm dứt hợp đồng, trừ các khoản chi phí phía Công ty P thi công, còn lại buộc Công ty P hoàn trả cho bà Tường V 170.000.000đồng, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty P buộc bà Tường V thanh toán chi phí lưu kho là 8.600.000đồng nên phía Công ty P đã kháng cáo. Ngược lại phía Công ty P do ông Q đại diện trình bày cho rằng, tổng chi phí Công ty đã đưa vào xây dựng là 220.000.780đồng, trừ số tiền nhận tạm ứng là 200.000.000đồng, số tiền bán vật tư phế liệu 9.933.200đồng, bà Tường V phải thanh toán tiếp cho Công ty P 10.067.580đồng, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm chỉ cho Công ty P làm đơn phản tố yêu cầu bà Tường V thanh toán tiếp số tiền này, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm cho Công ty P làm đơn yêu cầu phản tố yêu cầu bà Tường V thanh toán toàn bộ 220.000.780đồng, đóng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí trên số tiền phản tố, sau đó bác yêu cầu phản tố của phía bị đơn số tiền 211.400.780đồng và buộc Công ty P chịu án phí bị bác yêu cầu là tính án phí hai lần đối với số tiền mà phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả lại.

[4] Căn cứ Điều 428 Bộ luật Dân sự thì một bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng không phải bồi thường khi bên kia vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng. Bà Tường V cho rằng bên phía bị đơn có vi phạm việc thực hiện hợp đồng, tuy nhiên theo thiết kế không thể hiện vị trí của hầm tự hoại và vị trí của hồ chứa nước nên cũng không xác định lỗi của phía Công ty. Bà Tường V đồng ý trừ tất cả các chi phí cũng như thiệt hại mà phía Công ty đã bỏ ra nên cần xem

xét các khoản chi phí để buộc bà Tường V chịu theo như nhận định của bản án sơ thẩm.

[5] Căn cứ vào báo cáo kết quả giám định chất lượng công trình xây dựng của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng Sở Xây dựng tỉnh Long An thì giá trị công trình mà Công ty P đã xây dựng mới là 11.425.000đồng, trong đó đã bao gồm chi phí vật liệu, nhân công, máy xây dựng, thuế giá trị gia tăng và chi phí tháo dỡ công trình nhà cũ của bà Tường V là 11.235.000đồng. Toàn bộ chi phí được xác định là 22.660.000đồng. Bà Tường V đồng ý chi trả cho Công ty P chi phí này. Ngoài ra Toà án cấp sơ thẩm còn chấp nhận các chi phí khác bao gồm, chi phí rút hầm cầu là 4.200.000đồng, chi phí xe chở vật liệu là 2.200.000đồng, tổng cộng là 29.060.000đồng nhưng bà Tường V đồng ý các khoản này là 30.000.000đồng, ngoài ra Toà án cấp sơ thẩm còn chấp nhận chi phí lưu kho là 8.600.000đồng, bà Tường V đồng ý. Như vậy tổng chi phí cần được xem xét thanh toán như quyết định của bản án sơ thẩm là 38.600.000đồng.

[6] Ông Nguyễn Văn Q đại diện cho Công ty P yêu cầu bà Tường V thanh toán thêm các chi phí bao gồm chi phí vật tư là 123.033.000đồng, tiền thuế là 12.303.000đồng, tổng cộng là 135.336.300đồng; bồi thường thêm 8% giá trị hợp đồng là 62.004.480đồng, tiền giám định vật tư là 22.660.000đồng. Tuy nhiên, chi phí vật tư, tiền thuế đã được xác định theo kết quả thẩm định của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng Sở Xây dựng tỉnh Long An, đối với tiền bồi thường giá trị hợp đồng không được các bên thoả thuận nên cũng không có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn. Tại phiên toà phúc thẩm, phía bà Tường V đồng ý thanh toán thêm chi phí nước uống cho công nhân là 1.075.000đồng nên chấp nhận chi phí này. Ngoài ra bà Tường V cũng thừa nhận Công ty P có làm lều tập kết vật tư nhưng tận dụng công trình xây dựng có sẵn và có xây dựng thêm, hiện tại không còn và không định giá được, phía ông Q liệt kê ra nhiều khoản chi phí về việc xây dựng này nhưng chỉ có cơ sở để xem xét hai khoản gồm chi phí mua tràm làm cột lóng trại là 360.000đồng và chi phí mua mũ nhựa che bảo vệ xi măng, thép đã gia công 02 tấm là 1.057.000đồng, tổng cộng là 1.417.000đồng, xét thấy đây là chi phí có thể chấp nhận nên xem xét trừ vào khoản tiền cho Công ty P.

[7] Như vậy chi phí phía Công ty P đã đầu tư được Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận là 38.600.000đồng, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm là 2.492.000đồng, tổng cộng là 41.092.000đồng. Bà Tường V đã tạm ứng cho Công ty P là 200.000.000đồng, Công ty P có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Tường V là 158.908.000đồng, vì vậy cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn sửa một phần bản án sơ thẩm. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty P. Chấp nhận đề nghị giải quyết vụ án của bà Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

[8] Về án phí: Bà Tường V phải chịu án phí trên số tiền bị bác yêu cầu, Công ty TNHH MTV P phải chịu án phí trên số tiền hoàn trả cho bà Tường V và án phí bị bác yêu cầu phản tố trên số tiền yêu cầu bà Tường V thanh toán tiếp. Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Một thành viên xây dựng P.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố T.

Căn cứ Điều 26, 37, 39, 296, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 85, 86, 113, 138, 139, 141, 143, 146 Luật Xây dựng; Điều 418, 422, 428 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tường V.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng P phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tường V số tiền tạm ứng thi công còn thừa là 158.908.000đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tường V yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng P hoàn trả số tiền 11.092.000đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tường V về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng P trả số tiền 5.500.000đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng P về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Tường V thanh toán tiếp số tiền chi phí xây dựng là 10.067.580đồng.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí giám định:

- Bà Nguyễn Thị Tường V phải chịu 6.268.500đồng, bà V đã nộp xong.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng P phải chịu 6.268.500đồng. Do số tiền này bà Nguyễn Thị Tường V đã nộp tạm ứng nên buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng P phải trả cho bà Nguyễn Thị Tường V số tiền 6.268.500đồng.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Tường V phải chịu 554.500đồng án phí dân sự sơ thẩm phần bị bác yêu cầu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.387.500đồng theo biên lai số 0004181 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Long An. Hoàn trả cho bà V 3.832.000đồng.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng P phải chịu 7.945.000đồng án phí trên số tiền trả cho bà V và 503.000đồng án phí bị bác yêu cầu, tổng cộng là 8.448.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.500.000đồng theo biên lai thu số 0004715 ngày 21/8/2020 và 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai số 0005342 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Long An. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng P phải tiếp tục nộp số tiền 2.648.000đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Nga